

Bản án số: 479/2024/HS-PT

Ngày 19/6/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Ông Ngô Tự Học.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Phong, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 582/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Lê Tiến D và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Tiến D, sinh ngày 06/6/1969 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ E, phường Q, thành phố S; trình độ văn hoá: 10/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Chi cục trưởng Chi cục Dự trữ Nhà nước S1; từ 01/8/2020, là Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra; từ 20/4/2021, là Phó Cục trưởng Cục D2; Là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 460/QĐ-UBKTĐUK ngày 07/10/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh S); con ông Lê Tiến D1 (đã chết) và bà Đinh Thị T; có vợ là Nguyễn Thị M và có 02 con; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; Vắng mặt.

2. Trần Việt A, sinh ngày 04/01/1976 tại thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tổ C, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Phó Chi cục trưởng phụ trách Chi cục Dự trữ Nhà nước S1; Là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 23/QĐ-UBKTĐUK ngày 18/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh S); con ông Trần Việt T1 (đã chết) và bà Liềng Lầy C; có chồng là Lò Xuân T2 và có 02 con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2022 đến ngày 18/01/2023 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; Có mặt.

3. Nguyễn Thị N, sinh ngày 02/9/1982 tại huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKKHKT: Bản L, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi ở hiện nay: tổ D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Trưởng Bộ phận Tài vụ quản trị, kiêm Kế toán trưởng - Chi cục Dự trữ Nhà nước S1; Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, là Chuyên viên phòng kế toán Cục D2 Nhà nước khu vực T; Là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 30/QĐ-UBKTĐUK ngày 30/9/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh S); con ông Nguyễn Trung K (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Nguyễn Hữu T3 và có 02 con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến ngày 22/02/2023 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; Có mặt.

4. Nguyễn Thị Huyền T4, sinh ngày 01/10/1989 tại thành phố S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: số C, đường L, tổ D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nNghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Công chức Kế toán, Phụ trách bộ phận kế toán Chi cục dự trữ Nhà nước S1; Là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 24/QĐ-UBKTĐUK ngày 18/8/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh S); con ông Nguyễn Nhật T5 và bà Cao Thị M1; có chồng là Lê Nguyễn T6 và có 02 con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2022 đến ngày 22/02/2023 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N:* Luật sư Vũ Trọng Quốc H1 - Văn phòng L2 và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Có mặt.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn có bị cáo Ngô Thị Hiền L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chi cục Dự trữ Nhà nước S1 (viết tắt: Chi cục S1) là đơn vị trực thuộc Cục D2 (đơn vị cấp II của T7 Nhà nước), có chức năng quản lý trực tiếp hàng dự trữ quốc gia trên địa bàn theo quy định pháp luật. Hàng năm, thực hiện việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia (lương thực, muối, vật tư thiết bị...) theo lệnh nhập, xuất của Cục D2 Nhà nước khu vực T. Nguồn kinh phí hoạt động do Cục D2 khu vực T giao dự toán ngân sách hàng năm, trong đó, có nguồn kinh phí bốc xếp hàng dự trữ quốc gia nhập, xuất kho của chi cục. Theo Quyết định số 825/QĐ-TCDDT ngày 26/12/2019 và Quyết định số 32/QĐ-CDTTB ngày 03/02/2020 của Tổng Cục trưởng T7 Nhà nước thì mức chi phí nhập kho gạo tại các chi cục tối đa là 145.000 đồng/tấn; mức chi phí xuất kho gạo tại các chi cục tối đa là 140.000 đồng/tấn.

Trong quá trình thực hiện lệnh nhập, xuất gạo, các bị cáo là Chi Cục trưởng, Phó Chi cục trưởng phụ trách, Kế toán, Thủ quỹ đã cùng nhau kê khai tăng số tiền thuê nhân công bốc vác gạo nhập, xuất kho 21.624,51 tấn gạo từ đơn giá khoảng 35.000 đồng/tấn thành đơn giá 105.000 đồng/tấn (tăng so với thực tế 60.000 đồng/tấn) để rút tiền chênh lệch, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 1.297.470.240 đồng. Một phần số tiền này các đối tượng đã chi cho các hoạt động của Chi cục. Cụ thể:

1. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của Lê Tiến D, Nguyễn Thị N, Ngô Thị Hiền L:

Theo các quyết định bổ nhiệm: Lê Tiến D là Chi Cục trưởng Chi cục S1, Nguyễn Thị N là Trưởng bộ phận Tài vụ quản trị, kiêm Kế toán trưởng Chi cục S1, Ngô Thị Hiền L là Thủ kho Chi cục S1.

Trong giai đoạn từ tháng 01/2020 - 7/2020, Chi cục S1 được Cục dự trữ Nhà nước khu vực T giao nhập 4.700 tấn gạo theo Lệnh nhập kho số 285/LN-CDTTB, số 286/LN-CDTTB, số 286/LN-CDTTB cùng ngày 25/5/2020; xuất

628,63 tấn gạo theo Lệnh xuất kho số 89/LX-CDTTB ngày 27/02/2020, số 111/LX-CDTTB ngày 09/3/2020. Tổng số lượng gạo nhập, xuất 5.328,6 tấn.

Để bốc, xếp số lượng gạo trên, Lê Tiến D giao Ngô Thị Hiền L - Thủ kho kiêm Thủ quỹ thuê tổ bốc vác của ông Lường Văn N1 (địa chỉ: Bản M, xã C, huyện M) thực hiện với đơn giá 30.000 đồng/tấn (tại K thành phố S) và giao ông Nguyễn Xuân Đ - Thủ kho bảo quản Kho Chiềng Pắc liên hệ, thuê tổ bốc vác của ông Lò Văn É (địa chỉ: bản L, xã C, T) bốc xếp gạo nhập, xuất tại Kho C, T (thuộc Chi cục S1) với đơn giá 30.000 đồng/tấn (thỏa thuận miệng). Ngoài ra, Chi cục Dự trữ Nhà nước S1 chi trả thêm tiền xăng xe, điện thoại, nước uống, công đóng bao bì rách, bồi dưỡng liên hoan sau mỗi đợt cho các tổ bốc vác của ông N1, và ông É.

Lê Tiến D đã chỉ đạo Nguyễn Thị N lập 03 bộ hồ sơ thanh toán bốc vác đứng tên ông Lường Văn N1 với đơn giá 105.000 đồng/tấn. Nguyễn Thị N đã giao Đào Thị Mỹ N2- Kế toán viên soạn thảo hồ sơ thanh toán bốc vác theo biểu mẫu hướng dẫn của Cục D2 Nhà nước khu vực T với đơn giá nêu trên. Sau khi soạn thảo, Đào Thị Mỹ N2 trình Nguyễn Thị N kiểm soát lại. Đồng thời, Nguyễn Thị N ký vào 03 tài liệu trong hồ sơ gồm: (1) Tờ trình đề nghị phê duyệt dự toán chi thuê bốc vác; (2) Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bốc vác; (3) Tờ trình đề nghị phê duyệt nhà thầu được mời thương thảo hợp đồng. Sau đó, trình Lê Tiến D ký hoàn thiện các thủ tục có tên “Lê Tiến D” ở mục thủ trưởng đơn vị. Nguyễn Thị N nhờ Phạm Trung K1- Trưởng bộ phận kỹ thuật bảo quản ký tên “*Nhượng*” đại diện tổ bốc vác. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, Lê Tiến D, Nguyễn Thị N ký “Giấy rút dự toán ngân sách” để Kho bạc Nhà nước Sơn La thanh toán vào tài khoản ngân hàng N3 mang tên Lường Văn N1 (trước đó, Lê Tiến D, Nguyễn Thị N chỉ đạo Đào Thị Mỹ N2 sử dụng Chứng minh nhân dân của ông Lường Văn N1, mở tài khoản mang tên Lường Văn N1 tại Ngân hàng nông nghiệp để lập hồ sơ bốc vác và chuyển tiền thanh toán bốc vác sau mỗi đợt nhập, xuất gạo. Đào Thị Mỹ N2 lập tài khoản về giao lại cho L). Số tiền Kho bạc Nhà nước thanh toán, Ngô Thị Hiền L sử dụng thẻ ATM mang tên Lường Văn N1 do mình quản lý để rút tiền (tiền thanh toán bốc vác đã được trừ 10% thuế thu nhập cá nhân). L đã trực tiếp chi trả số tiền bốc vác 30.000 đồng/tấn cho Lường Văn N1; chi tiền bồi dưỡng, hỗ trợ xăng xe, điện thoại, công đóng bao bì rách, ăn uống liên hoan cho tổ bốc vác thông qua Lường Văn N1 với tổng số tiền chi thêm khoảng 4.500 đồng/tấn đến 5.400 đồng/tấn. Đối với việc thanh toán tiền bốc xếp tại kho C, H chi trả tiền mặt cho

tổ bốc vác của ông Lò Văn É thông qua ông Nguyễn Xuân Đ 30.000 đồng/tấn và chi bồi dưỡng, hỗ trợ thêm cho tổ bốc vác như đã thoả thuận (*từ 4.500 đồng/tấn đến 5.400 đồng/tấn, theo lời khai của Lò Văn É - Tổ trưởng tổ bốc vác, số tiền thực nhận sau mỗi đợt bốc vác khoảng 35.000 đồng/tấn*). Số tiền chênh lệch còn lại (60.000 đồng/tấn) Ngô Thị Hiền L đưa cho Nguyễn Thị N.

Tổng giá trị 03 hồ sơ thanh toán bốc vác lập không trong giai đoạn Lê Tiến D làm Chi Cục trưởng đã được Nhà nước thanh toán số tiền 559.506.150 đồng; thực tế chi trả 239.788.350 đồng, giá trị thiệt hại 319.717.800 đồng, gồm:

- Hồ sơ xuất 374,58 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 39.330.900 đồng; chi phí thực tế số tiền 16.856.100 đồng. Gây thiệt hại 22.474.800 đồng.

- Hồ sơ xuất 254,05 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 26.675.250 đồng; Chi phí thực tế số tiền 11.432.250 đồng. Gây thiệt hại 15.243.000 đồng.

- Hồ sơ nhập 4.700 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 493.500.000 đồng; Chi phí thực tế số tiền 211.500.000 đồng. Gây thiệt hại 282.000.000 đồng.

2. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của Trần Việt A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Huyền T4, Ngô Thị Hiền L:

2.1. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của Trần Việt A, Nguyễn Thị N, Ngô Thị Hiền L (giai đoạn từ tháng 08/2020 - 6/2021):

Trần Việt A- Phó chi cục trưởng Chi cục S1, được giao phụ trách Chi cục S1 từ ngày 01/8/2020 theo Quyết định số 194/QĐ-CDTTB ngày 30/7/2020 của Cục D2 Nhà nước khu vực T.

Trong giai đoạn từ tháng 08/2020 - 6/2021, Chi cục S1 được Cục dự trữ Nhà nước khu vực T giao nhập 4.100 tấn gạo theo các Lệnh nhập kho số 157/LN-CDTTB, số 158/LN-CDTTB; số 159/LN-CDTTB; số 160/LN-CDTTB cùng ngày 26/3/2021; xuất 4.697,8496 tấn gạo theo Lệnh xuất kho số 420/LX-CDTTB ngày 10/9/2020, số 490/LX-CDTTB ngày 20/10/2020, số 491/LX-CDTTB ngày 20/10/2020, số 563/LX-CDTTB ngày 25/11/2020, số 575/LX-CDTTB ngày 02/12/2020, số 90/LX-CDTTB ngày 08/3/2021. Tổng số lượng gạo nhập, xuất 8.797,8496 tấn.

Để bốc, xếp số lượng gạo trên, Trần Việt A giao nhiệm vụ cho Ngô Thị Hiền L. L thực hiện thuê tổ bốc vác của ông Lương Văn N1 và thông qua

Nguyễn Xuân Đ thuê tổ bốc vác của ông Lò Văn É để thực hiện như trong giai đoạn Lê Tiến D là Chi cục trưởng.

Đối với việc lập hồ sơ thanh quyết toán, Nguyễn Thị N đề xuất, tham mưu cho Trần Việt A về việc lập 06 hồ sơ khống để thanh toán không đúng với giá trị thực tế cũng như việc sử dụng, chi trả số tiền rút được từ Ngân sách Nhà nước. Được sự nhất trí của Trần Việt A, Nguyễn Thị N giao Đào Thị Mỹ N2 soạn thảo 06 hồ sơ thanh toán (*trong đó, 05 hồ sơ đứng tên Lương Văn N1; 01 hồ sơ đứng tên Đào Hải L1, ở tổ A, Phường Q, thành phố S*). Đối với thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán được thực hiện tương tự như trong giai đoạn Lê Tiến D là Chi cục trưởng. Đối với chữ ký mang tên Lương Văn N1 (trên 05 bộ hồ sơ), Nguyễn Thị N nhờ Phạm Trung K1- Trưởng bộ phận Kỹ thuật bảo quản của Chi cục ký chữ “*Nhượng*” vào hồ sơ như giai đoạn trước đây; Đào Thị Mỹ N2 nhờ Đào Hải L1 (em trai Đào Thị Mỹ N2) ký trên 01 bộ hồ sơ. Số tiền thanh toán được Kho bạc Nhà nước chuyển qua tài khoản ngân hàng B số 41110000348273 mang tên Đào Hải L1 (số tiền trên được L1 rút ra đưa cho Đào Thị Mỹ N2; N2 chuyển lại cho L) và tài khoản mang tên Lương Văn N1 (thẻ ATM do Ngô Thị Hiền L giữ). L thực hiện việc rút tiền, thanh toán tiền công thực tế và chuyển lại số tiền chênh lệch (60.000 đồng/ tấn) cho Nguyễn Thị N.

Tổng giá trị 06 hồ sơ thanh toán bốc vác kê khai tăng lên trong giai đoạn này được Nhà nước thanh toán 923.561.863 đồng, thực tế chi trả 395.690.923 đồng, thiệt hại 527.870.940 đồng, gồm:

- Hồ sơ xuất 696,211 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 73.102.155 đồng; Chi thực tế số tiền 31.329.495 đồng. Gây thiệt hại 41.772.660 đồng.

- Hồ sơ xuất 2.258,661 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 237.159.405 đồng; Chi thực tế số tiền 101.639.745 đồng. Gây thiệt hại 135.519.660 đồng.

- Hồ sơ xuất 1.443,91 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 151.397.912 đồng; Chi thực tế số tiền 64.763.492 đồng. Gây thiệt hại 86.634.420 đồng.

- Hồ sơ xuất 284,852 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 29.909.491 đồng; Chi thực tế số tiền 12.818.371 đồng. Gây thiệt hại 17.091.120 đồng.

- Hồ sơ xuất 14,218 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 1.492.900 đồng; chi thực tế số tiền 639.820 đồng. Gây thiệt hại 853.080 đồng.

- Hồ sơ nhập 4.100 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 430.500.000 đồng; Chi thực tế số tiền 184.500.000 đồng. Gây thiệt hại 246.000.000 đồng.

2.2. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của Trần Việt A, Nguyễn Thị Huyền T4, Ngô Thị Hiền L (giai đoạn từ tháng 7/2021 - 8/2022):

Nguyễn Thị Huyền T4 - Kế toán Chi cục S1, được giao phụ trách kế toán Chi cục S1 từ ngày 01/7/2021 theo Quyết định số 139/QĐ-CDTTB ngày 24/6/2021 của Cục D2 Nhà nước khu vực T.

Trong giai đoạn từ tháng 07/2021 - 8/2022, Chi cục S1 được Cục dự trữ Nhà nước khu vực T giao nhập 3.400 tấn gạo theo các Lệnh nhập kho số 210/LN-CDTTB ngày 04/4/2022; số 222/LN-CDTTB ngày 06/4/2022; số 226/LN-CDTTB ngày 07/4/2022; xuất 4.098,025 tấn gạo theo Lệnh xuất kho số 52/LX-CDTTB ngày 09/02/2022, số 97/LX-CDTTB ngày 25/02/2022, số 98/LX-CDTTB ngày 25/02/2022. Tổng số lượng gạo nhập, xuất 7.498,025 tấn.

Để bốc, xếp số lượng gạo trên, Trần Việt A tiếp tục giao nhiệm vụ cho Ngô Thị Hiền L thực hiện thuê nhân công bốc vác như những lần trước đó.

Đối với việc lập hồ sơ thanh, quyết toán, Trần Việt A giao Nguyễn Thị Huyền T4 lập 03 hồ sơ thanh toán kê tăng giá tiền lên. Các hồ sơ được lập tương tự như các giai đoạn trước đó. Đối với số tiền chênh lệch (60.000 đồng/ tấn) được Ngô Thị Hiền L chuyển lại cho Nguyễn Thị Huyền T4.

Tổng giá trị 03 hồ sơ thanh toán bốc vác kê tăng lên trong giai đoạn này được Nhà nước thanh toán 787.292.625 đồng; thực tế chi trả 337.411.125 đồng, giá trị thiệt hại 449.881.500 đồng. Cụ thể:

- Hồ sơ xuất 548,19 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 57.559.950 đồng; Chi thực tế số tiền 24.668.550 đồng. Gây thiệt hại 32.891.400 đồng.

- Hồ sơ xuất 3.549,835 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 372.732.675 đồng theo Giấy rút dự toán ngân sách số 39/220327 ngày 28/3/2022; Chi thực tế số tiền 159.742.575 đồng. Gây thiệt hại 212.990.100 đồng.

- Hồ sơ nhập 3.400 tấn gạo: Các bị cáo đã rút Ngân sách Nhà nước 357.000.000 đồng; Chi thực tế số tiền 153.000.000 đồng. Gây thiệt hại 204.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Số tiền chênh lệch sau mỗi đợt thanh toán bốc vác, đã sử dụng: Lê Tiến D được nhận khoảng 1.700.000 đồng; Trần Việt A được nhận khoảng 90.000.000 đồng; Nguyễn Thị Huyền T4 được nhận khoảng 40.000.000 đồng; Ngô Thị Hiền L không được hưởng lợi; Nguyễn Thị N không thừa nhận được hưởng lợi mặc dù lời khai các bị cáo khác là N được nhận 25.000.000 đồng; trích lại số tiền tương đương 35.000 đồng/tấn cho Cục D2 Nhà nước khu vực T thông qua Nguyễn Thị H2 - Kế toán trưởng; chi sửa chữa máy móc, thiết bị và sửa chữa đường vào Chi cục; chi liên hoan, ăn uống và chia cho cán bộ, nhân viên trong chi cục... Tuy nhiên, ngoài lời khai của các bị cáo, không có căn cứ khác chứng minh.

Đối với những người có liên quan đến vụ án gồm: Bà Nguyễn Thị H2 - Kế toán trưởng Cục D2 khu vực T; Bà Đào Thị Mỹ N2 - Nguyên kế toán viên Chi cục Dự trữ Nhà nước S1 (từ tháng 11/2017 đến tháng 3/2021); Ông Phạm Trung K1 - Trưởng bộ phận Kỹ thuật bảo quản, Chi cục Dự trữ Nhà nước S1 - Cơ quan điều tra xác định không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lê Tiến D, Trần Việt A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Huyền T4, Ngô Thị Hiền L phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b, c khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Việt A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Huyền T4, Lê Tiến D:

- Xử phạt bị cáo Trần Việt A 04 (bốn) năm tù; được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2022 đến ngày 18/01/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến ngày 22/02/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền T4 03 (ba) năm tù; được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2022 đến ngày 22/02/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

- Xử phạt bị cáo Lê Tiến D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Trần Việt A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Huyền T4, Lê Tiến D đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác tài chính, kế toán với thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

2.2. Căn cứ khoản 3, 4 Điều 356; điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị Hiền L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/4/2023).

- Giao bị cáo Ngô Thị Hiền L cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Ngô Thị Hiền L đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác tài chính, kế toán với thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2023, các bị cáo Lê Tiến D, Nguyễn Thị Huyền T4 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 10/5/2023 Trần Việt A có đơn kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 11/5/2023 Nguyễn Thị N, có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 07/6/2024 bị cáo D đề nghị có đơn xin rút kháng cáo nên xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm, thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo khai báo, do Chi cục thiếu tiền chi tiêu sinh hoạt, hoạt động chung nên nảy sinh ý định kê khai thêm tiền để chi tiêu vào các hoạt động của Chi cục. Tiền không có sẵn tại Chi cục DTNN mà phải ứng ra trả tiền bốc vác. Sau khi kê khai, báo cáo lên Cục DTNN tỉnh S, một thời gian sau Cục DTNN tỉnh S chuyển tiền về thì các bị cáo mới có tiền cho hoạt động của Chi cục. Tiền chia cho các bị cáo chỉ là ghi chép như vậy các bị cáo không sử dụng gì đều đã hoàn trả lại.

Bị cáo Việt A trình bày bị bệnh, đã chủ động ứng tiền hoàn trả vào Nhà nước cho tất cả các bị cáo, sau đó mới nhận lại tiền từ các bị cáo khác. Bị cáo cho rằng đã có tiền lệ làm từ bị cáo D, khi bị cáo tiếp quản phụ trách Chi cục thì làm theo.

Bị cáo N trình bày cũng là cấp dưới thực hiện theo chỉ đạo, bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền cho Nhà nước, trả cho bị cáo Việt A đầy đủ, bị cáo không được hưởng lợi gì. Hiện nay đang bị ốm bệnh, viêm khớp nặng tay phải đang dần bị liệt.

Bị cáo T4 trình bày, bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền cho Nhà nước, trả cho bị cáo Việt A đầy đủ. Bị cáo mới chuyển về lãnh đạo chỉ đạo thì làm theo nếp cũ. Bị cáo chỉ làm một lần của 3 hóa đơn, ngay khi làm theo chỉ đạo thì bị phát hiện xử lý ngay. Thực tế bị cáo không được hưởng lợi gì.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm b, c khoản 2, 4 Điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án bị cáo Lê Tiến D đã rút đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm với kháng cáo của bị cáo D.

Đối với bị cáo Trần Việt A, bị cáo phạm tội với vai trò chính, nên mặc dù cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng hình phạt đã tuyên với bị cáo đã phù hợp, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Tòa án bác kháng cáo của bị cáo căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự giữ

nguyên quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Bị cáo N là người giúp sức, đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo bị bệnh khớp nặng có dấu hiệu liệt tay phải, tiền vi phạm đã nộp đầy đủ thu hồi thiệt hại cho nhà nước, bố bị cáo là người thờ cúng liệt sĩ. Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ thêm cho bị cáo một phần hình phạt. Đề nghị Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự xem xét giảm cho bị cáo từ 1 đến 1,5 năm tù.

Bị cáo T4 là người giúp sức, vai trò thứ yếu, đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tiền vi phạm đã nộp đầy đủ thu hồi thiệt hại cho nhà nước. Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo còn có khả năng cải tạo ngoài xã hội, có đủ các điều kiện quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, vẫn thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo cho những người lầm đường lạc lối có khả năng cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan an ninh điều tra C1 tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Tiến D, Trần Việt A, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Huyền T4, Ngô Thị Hiền L:

[2.1] Bị cáo D đã rút đơn kháng cáo, xét thấy việc rút đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát, đình chỉ xét xử phúc thẩm với yêu cầu của bị cáo, quyết định của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Việt A, Nguyễn Thị Huyền T4:

Các bị cáo có hành vi cùng nhau thực hiện nâng thêm tiền chi bốc vác để rút tiền từ ngân sách Nhà nước, tiền không thuộc phạm vi quản lý của Chi cục. Các bị cáo chi dùng số tiền rút được cho các hoạt động chung của Chi cục và chia nhau giữ tiền. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo điểm b, c khoản 2, 4 Điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo và vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Trần Việt A có vai trò cầm đầu, chỉ đạo các bị cáo khác, nên hành vi của bị cáo có tính chất mức độ nguy hiểm hơn. Tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối hận, bị bệnh, bị cáo tích cực hoạt động cộng đồng ủng hộ tích cực phòng chống Covid, ông bà bị cáo có huân chương kháng chiến. Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt giảm cho bị cáo không nhiều để thể hiện sự nghiêm khắc trong xử lý với người có vai trò cầm đầu trong vụ án.

Các bị cáo N và T4 đều tham gia với vai trò giúp sức là người thực hiện theo chỉ đạo, nên tính chất mức độ hành vi ít nguy hiểm hơn. Các bị cáo đã nộp toàn bộ tiền để khắc phục thiệt hại cho Nhà nước và trả lại tiền bị cáo Việt A đã ứng ra. Nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm. Bị cáo N bị bệnh khớp nặng, tay phải có dấu hiệu bị liệt, bố là người thờ cúng liệt sĩ. Bị cáo T4 mới về công tác, theo hướng dẫn của các bị cáo khác phạm tội lần đầu tiên thì đã bị phát hiện xử lý ngay. Bị cáo có nhiều đóng góp cho hoạt động của cộng đồng tích cực tham gia phòng chống Covid, ủng hộ đồng bào thành phố Hồ Chí Minh và huyện P- Sơn La. Theo quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý với người phạm tội: *“khoan hồng với người đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại gây ra”*. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T4 có đủ điều kiện để được cải tạo ngoài xã hội theo Điều 65 Bộ luật hình sự. Có căn cứ để giảm nhẹ cho bị cáo N một phần hình phạt như đề nghị của V đại diện Viện kiểm sát, góp phần thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật nhưng cũng giúp cho người lầm đường lạc lối hướng thiện sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành người có ích.

[2.3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng

ngợi.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, đ khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 348; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Tiên D, các quyết định tại Bản án sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đối với bị cáo Lê Tiên D có hiệu lực pháp luật.

2. Sửa quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm 70/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đối với bị cáo Trần Việt A và Nguyễn Thị N như sau:

Tuyên bố bị cáo Trần Việt A, bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Căn cứ điểm b, c khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Việt A 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù; được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến ngày 22/02/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 2 (Hai) năm 6 (S) tháng tù; được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến ngày 22/02/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Sửa quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm 70/2023/HS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đối với bị cáo Nguyễn Thị Huyền T4 như sau: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Huyền T4 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền T4 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Giao bị cáo Nguyễn Thị Huyền T4 cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia

đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Sơn La;
- CQ THA HS tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học

Phạm Văn Nam

Nguyễn Mạnh Tiến